

Bản án số: 503/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 19-12-2024
V/v “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Ngọc Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Xuân Thành

Ông Trần Mai Khanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Nam - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Nam - Kiểm sát viên

Ngày 19 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 390/2024/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2024 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 463/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị K, sinh năm 1999. Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Xóm T, xã Q, huyện Y, tỉnh Nghệ An.

Địa chỉ hiện tại: C-von-Ossietzky-weg 6, Cộng hòa liên bang Đ. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt được hợp pháp hoá của Tổng lãnh sự quán C2 tại CHLB Đ).

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1997. Địa chỉ cư trú trước khi xuất cảnh: Xóm T, xã Q, huyện Y, tỉnh Nghệ An.

Địa chỉ hiện tại: Đài Loan. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Văn N, sinh năm 1962 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1964 (bố mẹ của chị Trần Thị K). Địa chỉ: Xóm T, xã Q, huyện Y, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn, đơn trình bày ý kiến (được hợp pháp hoá của Tổng lãnh sự quán C2 tại CHLB Đ), nguyên đơn chị Trần Thị K trình bày:

Chị K và anh Nguyễn Văn Chung kết H với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã Q, huyện Y, tỉnh Nghệ An vào ngày 05/3/2018. Đến năm 2022, anh C đi xuất khẩu lao động sang Đài Loan. Lúc đầu vợ chồng còn liên lạc với nhau nhưng từ năm 2023 đến nay vợ chồng không còn liên lạc với nhau nên chị K không biết được địa chỉ của anh C tại Đài Loan. Do không còn tình cảm với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị K làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An giải quyết được ly hôn với anh C

Về con chung: Vợ chồng tôi có 02 (hai) con chung là Nguyễn Anh T1, sinh ngày 23/11/2018 và cháu Nguyễn Hữu C1, sinh ngày 15/02/2017. Nếu ly hôn chị K đề nghị giao 02 con chung cho chị K chăm sóc nuôi dưỡng và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ: Chị K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Trần Thị Kiều H1 đang cư trú và làm việc tại CHLB Đ, không có điều kiện về Việt Nam để đến Tòa án giải quyết việc ly hôn. Do đó, chị ủy quyền cho chị Phan Thị T2 nộp đơn xin ly hôn, tài liệu và nhận các văn bản của Tòa án. Đồng thời, chị K đề nghị Tòa án xét xử vụ án vắng mặt.

Về phía anh Nguyễn Văn C: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã gửi các văn bản tố tụng; thông báo thụ lý vụ án; yêu cầu anh C có quan điểm của mình về việc giải quyết vụ án; gửi quyết định đưa vụ án ra xét xử cho anh C theo thủ tục niêm yết công khai các văn bản trên theo quy định của pháp luật nhưng hiện tại anh Nguyễn Văn C vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến gì. Theo trình bày của ông Nguyễn Văn V và bà Trương Thị T3 (bố mẹ đẻ của anh C) thì anh C hiện đang lao động ở Đài Loan, có điện thoại về cho ông, bà nhưng không nói rõ địa chỉ cụ thể; anh C đã biết chị K làm đơn ly hôn tại Tòa án nhưng anh C không có ý kiến gì. Đến ngày xét xử vụ án anh C không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án.

Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn N và bà Nguyễn Thị T:

Ông Trần Văn N và bà Nguyễn Thị T là mẹ đẻ của chị K; chị K và anh C là vợ chồng; sau khi cưới hai vợ chồng cùng chung sống một thời gian thì đều đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài nên giao hai con chung là Nguyễn Anh T1, sinh ngày 23/11/2018 và Nguyễn Hữu C1, sinh ngày 15/02/2017 cho ông N, bà T quản lý, chăm sóc; ông N, bà T không yêu cầu ông/chị K, anh C thanh toán tiền công chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T1, cháu C1 từ trước đến nay. Hiện nay cháu T1, cháu C1 đang ở với ông N, bà T và nếu Tòa án giao cháu T1, cháu C1 cho chị K hoặc anh C nuôi dưỡng thì ông N, bà T cam kết sẽ quản lý, chăm sóc cháu T1, cháu C1 chu đáo cho đến khi chị K, anh C về nước và không yêu cầu tiền công chăm sóc, nuôi dưỡng hai cháu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An phát biểu quan điểm:

- Về thẩm quyền thụ lý vụ án: Theo Công văn của Phòng Q, Công an tỉnh Q thì anh Nguyễn Văn C có thông tin xuất cảnh và hiện chưa có thông tin nhập

cảnh nên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

- Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 71, 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc thu thập chứng cứ và đương sự tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định, đảm bảo quyền, nghĩa vụ của họ. Theo trình bày của ông Nguyễn Văn V và bà Trương Thị T3 (bố mẹ đẻ của anh C) thì anh C hiện đang lao động ở nước ngoài, có điện thoại về cho gia đình nhưng không nói rõ địa chỉ cụ thể; anh C đã biết việc chị K làm đơn ly hôn tại Tòa án nhưng không có ý kiến gì. Việc anh C vắng mặt được xác định cố tình giấu địa chỉ, do đó đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định pháp luật và xử cho chị K được ly hôn với anh C.

- Về nuôi con chung: Cháu Nguyễn Anh T1, sinh ngày 23/11/2018 và cháu Nguyễn Hữu C1, sinh ngày 15/2/2017. Chị K đang sinh sống và làm việc tại CHLB Đ có địa chỉ cư trú cụ thể và đề nghị được nuôi 02 con chung; anh C chưa có ý kiến gì. Vì vậy giao 02 con chung cho chị K trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con do chị Trần Thị K không yêu cầu, anh Nguyễn Văn C chưa có ý kiến nên chưa xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự chưa yêu cầu nên dành quyền khởi kiện cho các đương sự khi có yêu cầu.

- Về án phí: Chị K phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi xem xét các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Chị K đang cư trú tại CHLB Đ có văn bản trình bày (được hợp pháp hoá của Tổng lãnh sự quán C2 tại CHLB Đức); anh C đang ở Đài Loan nhưng không biết địa chỉ cụ thể. Tòa án đã tiến hành xác minh tại người thân của anh C là ông Nguyễn Văn V và bà Trương Thị T3 (bố, mẹ anh C) được cung cấp anh C hiện nay đang ở Đài Loan đã biết việc chị K xin ly hôn. Ngày 22/10/2024, Phòng quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh Q có công văn số 4319/XNC (Đ1) cung cấp thông tin anh Nguyễn Văn C xuất cảnh ngày 18/4/2022, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Do chị K hiện đang cư trú tại CHLB Đ, anh C trước khi xuất cảnh có địa chỉ tại huyện Y, tỉnh Nghệ An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

[2] Về tố tụng: Tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thị K vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt (được hợp pháp hoá của Tổng lãnh sự quán C2 tại CHLB Đ); bị đơn anh Nguyễn Văn C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và đã biết chị K yêu cầu ly hôn nhưng vẫn không cung cấp địa chỉ và vắng mặt là thuộc trường hợp cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn N và bà Nguyễn Thị T vắng mặt nhưng đề nghị xét

xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại Điều 207 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Chị K vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên nội dung khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với anh C. Xét thấy, chị K, anh Chung kết H với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định. Hiện nay đã sống ly thân, chị K đang sinh sống và làm việc tại CHLB Đ, anh C đang làm việc tại Đài Loan. Do vợ chồng sống xa nhau, không liên lạc với nhau nên tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, giải quyết cho chị K được ly hôn anh Nguyễn Văn C là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Hữu C1, sinh ngày 15/02/2017 và Nguyễn Anh T1, sinh ngày 23/11/2018. Hiện nay, anh Nguyễn Văn C đang ở nước ngoài không có địa chỉ cụ thể nên không có điều kiện trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Chị Trần Thị K đang cư trú hợp pháp tại CHLB Đ, có nguyện vọng được nuôi 02 con chung. Vì vậy, giao 02 con chung Nguyễn Hữu C1 và Nguyễn Anh T1 cho chị Trần Thị K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với các quy định tại các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Chị Trần Thị K chưa yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, anh Nguyễn Văn C chưa có ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Trần Thị K không yêu cầu Tòa án giải quyết; anh Nguyễn Văn C vắng mặt chưa có ý kiến nên dành quyền khởi kiện cho các đương sự khi có yêu cầu.

[6] Về án phí: Chị Trần Thị K phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84, 122, 123, 127 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 37; Điều 40; Điều 147; Điều 207; Điều 227; Điều 228; Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Trần Thị Kiều ly H2 với anh Nguyễn Văn C.

2. Về nuôi con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Giao 02 con chung là cháu Nguyễn Anh T1, sinh ngày 23/11/2018 và cháu Nguyễn Hữu C1, sinh ngày 15/02/2017 cho chị Trần Thị K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Chị Trần Thị K chưa yêu cầu anh Nguyễn Văn C cấp dưỡng nuôi con. Vì quyền lợi của con, khi có lý do chính đáng hoặc có căn cứ theo quy định của

pháp luật, theo yêu cầu của một hoặc các bên thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Dành quyền khởi kiện cho các đương sự khi có yêu cầu.

4. Về án phí: Chị Trần Thị K phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013189 ngày 08 tháng 10 năm 2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An. Chị K đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị K có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết. Anh Nguyễn Văn C vắng mặt có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- UBND xã Quang Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Hoàng Ngọc Anh